

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/KDTM-ST**

Ngày: 16-06-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*

1/ Bà Trần Thị Lệ.

2/ Bà Đàm Thị Thanh Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST–KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST–KDTM ngày 14/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-KDTM ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc H**

*Địa chỉ: Số C, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.*

Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A - Giám đốc Ngân hàng TMCP Schi nhánh Sóc Trăng

*Địa chỉ: Số 0, Trần Hưng Đạo, Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*

Ông Tuấn Anh ủy quyền cho ông **Võ Lê Việt Th** – Trưởng phòng giao dịch Ngã Năm (Có mặt).

*Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.*

**- Bị đơn: Chị Trương Thị B**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Lê Việt Th trình bày:** Vào ngày 13/03/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch Ngã Năm có ký với bên vay là bà Trương Thị B hợp đồng tín dụng số 01106–00197. Theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch Ngã Năm có cho bà Trương Thị B vay số tiền 100.000.000đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*) vào ngày 13/03/2018 với các điều kiện thoả thuận như sau: Thời hạn vay là: 12 tháng. Lãi suất: 30%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Phương thức trả nợ: Vốn gốc được chia làm nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ : 365 kỳ; Kỳ trả nợ: 01 ngày/ lần; Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày: 14/03/2018; Các kỳ trả nợ kế tiếp: hàng ngày; Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng; Số tiền trả mỗi kỳ: 356.200đồng (*Ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm đồng*); Số tiền trả kỳ cuối: 346.200đồng (*Ba trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm đồng*). Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 01106–00197 ngày 13/03/2018, quá trình giao dịch tính đến 07/01/2019 thì bà Trương Thị B đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cố gắng thương lượng nhưng khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Bà Trương Thị B đã trả cho Ngân hàng được 299 kỳ với số tiền là 106.503.800 đồng, trong đó tiền gốc 81.926.000 đồng và lãi 24.577.800 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay bà Trương Thị B vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, bà Trương Thị B đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP Syêu cầu bà Trương Thị B trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/6/2020 là 33.440.892đồng, trong đó: (*Vốn gốc quá hạn: 17.295.200đồng; Lãi trong hạn: 5.425.200 đồng; Lãi quá hạn: 10.720.491 đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 17/6/2020 cho đến khi bà Trương Thị B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

**\* Căn cứ vào biên bản lấy khai đề ngày 13/5/2020 của bị đơn bà Trương Thị B trình bày như sau:** Bà thống nhất việc ngân hàng khởi kiện về yêu cầu số tiền vốn và tiền lãi mà vợ chồng bà còn thiếu. Bà cũng thống nhất trả cho ngân hàng nhưng do làm ăn kinh tế gia đình quá khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số tiền vốn và tiền lãi, khi nào có tiền nhiều thì sẽ trả nhiều.

### **Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Đại diện nguyên đơn đã chấp hành

tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Còn phía bị đơn vẫn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trương Thị B trả vốn vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Trương Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 16/6/2020 là 33.440.892 đồng, trong đó: (Vốn gốc quá hạn: 17.295.200 đồng; Lãi trong hạn: 5.425.200 đồng; Lãi quá hạn: 10.720.491 đồng). Kể từ ngày 17/6/2020 cho đến khi bà Trương Thị B thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S Ngã Năm, thì hàng tháng Bà Trương Thị B còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt nhưng bà B và ông Hh đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại Tòa đại diện nguyên đơn và kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông H. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông H.

[2] Qua xem xét hợp đồng tín dụng số 01106 – 00197 ngày 13/03/2018 và Giấy nhận nợ số 01106 – 00197 ngày 13/03/2018, thể hiện bà Trương Thị B có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*) vào ngày 13/03/2018 với các điều kiện thỏa thuận như sau: Thời hạn vay là: 12 tháng. Lãi suất: 30%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Phương thức trả nợ: Vốn gốc được chia làm nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ : 365 kỳ; Kỳ trả nợ: 01 ngày/lần; Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày: 14/03/2018; Các kỳ trả nợ kế tiếp: hàng ngày; Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng; Số tiền trả mỗi kỳ: 356.200đồng (Ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm đồng); Số tiền trả kỳ cuối: 346.200đồng (Ba trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 106.503.800 đồng, trong đó tiền gốc 81.926.000 đồng và lãi 24.577.800 đồng tính đến ngày 07/01/2019. Phía bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 07/01/2019 cho đến nay.

[4] Xét thấy, bà B đã nhận toàn bộ số tiền vốn vay 100.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lập ngày 13/3/2018, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng ngày 13/3/2018. Vì bà B đã vi phạm hợp đồng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với

quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Số tiền bà Bảy còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 16/6/2020 (ngày xét xử) là: 33.440.892 đồng, trong đó: (*Vốn gốc quá hạn: 17.295.200 đồng; Lãi trong hạn: 5.425.200 đồng; Lãi quá hạn: 10.720.491 đồng*). Vì vậy Ngân hàng S yêu cầu bà Trương Thị B trả số tiền vốn vay và lãi suất nêu trên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Ngân hàng S yêu cầu bà B trả một lần, do đó yêu cầu trả dần của bà B không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, việc thỏa thuận trả dần các bên có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án. Do đó HĐXX chỉ tuyên buộc bà B trả cho Ngân hàng S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn thiếu theo quy định của pháp luật.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Trương Thị B phải chịu là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng S không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; điều 271; Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc yêu cầu bà Trương Thị B trả vốn vay và lãi suất còn thiếu.

Buộc bà Trương Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S tổng số tiền **33.440.892 đồng**, trong đó: (*Vốn gốc quá hạn: 17.295.200 đồng; Lãi trong hạn: 5.425.200 đồng; Lãi quá hạn: 10.720.491 đồng*).

Kể từ ngày 17/6/2020 cho đến khi bà Trương Thị B thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S thì hàng tháng Bà Trương Thị B còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01106 – 00197 ngày 13/3/2018.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Trương Thị B phải chịu án phí là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu số 0002882, ngày 01/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mỹ Hạnh**